

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Hoàng Đức Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu Q, sinh năm 1997; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 3, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu Q trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân với nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã LK sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung:

Chị Q trình bày chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn, Chị Q mong muốn được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Anh Thơ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T là bị đơn vắng mặt nhưng có ý kiến tại Bản tự khai có trong vụ án, thể hiện quan điểm sau:

Anh và Chị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về thôn 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 7 năm 2022 thì giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm dẫn đến hiểu lầm nhau. Do mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Q ở từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị Q xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Phạm Thị Thu Q và Anh Nguyễn Văn T là người địa phương, hiện sinh sống tại thôn 10 xã LK. Năm 2016 chị Q và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã LK,

huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về thôn 10, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng chung sống. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Nay chị Q xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu Q trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Phạm Thị Thu Q và anh Nguyễn Văn T đã được xác lập là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan

điểm sống, lối sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành, hiện vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Việc chị Phạm Thị Thu Q xin ly hôn, anh Nguyễn Văn T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Thu Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015. Khi ly hôn, chị Q và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, Chị Q và anh T đều có đầy đủ điều kiện, khả năng, thời gian, có thu nhập ổn định (Chị Q làm công), có nơi cư trú rõ ràng để đảm bảo cho việc nuôi con chung tốt về mọi mặt nhưng từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị Q là người trực tiếp nuôi con, việc nuôi con của chị Q đã ổn định, hơn nữa, con chung Nguyễn Thị Anh Thơ có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Thị Anh Thơ cho chị Q trực tiếp nuôi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Q, anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu Q được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu Q trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Thị Anh Thơ sinh ngày 20 tháng 7 năm 2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu Q và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu Q và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008181 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND thành phố Hải Phòng;
 - VKSND huyện TN;
 - Chi cục THADS huyện TN;
 - UBND xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng
- (Giấy CNKH số 28 ngày 13/5/2016);
- Đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân